

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN

CHỨC DANH: PHÓ GIÁO SU

Mã hồ sơ:



(Nội dung đúng ở ô nào thì đánh dấu vào ô đó: ; Nội dung không đúng thì để trống:)

Đối tượng đăng ký: Giảng viên ; Giảng viên thỉnh giảng

Ngành: Kỹ thuật Cơ khí; Chuyên ngành: Cơ-Điện tử

A. THÔNG TIN CÁ NHÂN

1. Họ và tên người đăng ký: Đặng Thái Việt.

2. Ngày tháng năm sinh: 29/10/1978; Nam ; Nữ ; Quốc tịch: Việt Nam;

Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không.

3. Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam:

4. Quê quán (xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố): xã Lam Sơn, huyện Đô lương, tỉnh Nghệ An.

5. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú (số nhà, phố/thôn, xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố): Số 6, gác 40/2, Tạ Quang Bửu, Bách Khoa, Hai Bà Trưng, Hà Nội.

6. Địa chỉ liên hệ (ghi rõ, đầy đủ để liên hệ được qua Bru điện): Phòng 0111, Chung cư Hòa Phát, Số 46, Phố Vọng, Phương Mai, Đống Đa, Hà Nội.

Điện thoại nhà riêng:; Điện thoại di động: 0989458581; E-mail:

viet.dangthai@hust.edu.vn/viet.dangthai.hust@gmail.com.

7. Quá trình công tác (công việc, chức vụ, cơ quan):

Từ 06/2001 đến 06/2016: Giảng viên, Bộ môn Máy và Ma sát học, Viện Cơ khí, Trường Đại học Bách khoa Hà Nội;

Từ 07/2016 đến 09/2019: Phó Trưởng Bộ môn, Bộ môn Cơ điện tử, Viện Cơ khí, Trường Đại học Bách khoa Hà Nội;

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước
Từ 10/2019 đến 08/2021: Giảng viên, Bộ môn Cơ điện tử, Viện Cơ khí, Trường Đại học
Bách khoa Hà Nội;

Từ 09/2021 đến nay: Giảng viên, Nhóm chuyên môn hệ thống cơ điện tử thông minh, Khoa
Cơ điện tử, Trường Cơ khí, Đại học Bách khoa Hà Nội;

Chức vụ: Hiện nay: Giảng viên; Chức vụ cao nhất đã qua: Phó trưởng Bộ môn

Cơ quan công tác hiện nay: Nhóm chuyên môn hệ thống cơ điện tử thông minh, Khoa Cơ
điện tử, Đảng bộ Viện Cơ khí, Trường Cơ khí, Đại học Bách khoa Hà Nội;

Địa chỉ cơ quan: Phòng 813, Thư viện Tạ Quang Bửu, Khoa Cơ điện tử, Trường Cơ khí,
Đại học Bách khoa Hà Nội, số 1 Đại Cồ Việt, Hai Bà Trưng, Hà Nội;

Điện thoại cơ quan: 0243 869 6165

Thỉnh giảng tại cơ sở giáo dục đại học (nếu có): Không.

8. Đã nghỉ hưu từ thángnăm

Nơi làm việc sau khi nghỉ hưu (nếu có):

Tên cơ sở giáo dục đại học nơi hợp đồng thỉnh giảng 3 năm cuối (tính đến thời điểm hết hạn
nộp hồ sơ):

9. Trình độ đào tạo:

- Được cấp bằng ĐH ngày 20 tháng 06 năm 2001; số văn bằng: 0272851; ngành: Điện khí
hóa và cung cấp điện, chuyên ngành: Tự động hóa các xí nghiệp công nghiệp; Nơi cấp bằng
ĐH (trường, nước): Trường Đại học Bách khoa Hà Nội, Việt Nam;

- Được cấp bằng ThS ngày 21 tháng 04 năm 2008; số văn bằng: A0040114; ngành: Điện;
chuyên ngành: Điều khiển tự động; Nơi cấp bằng ThS (trường, nước): Trường Đại học Bách
khoa Hà Nội, Việt Nam;

- Được cấp bằng TS ngày 22 tháng 11 năm 2012; ngành: Kỹ thuật điện; chuyên ngành: Điều
khiển hệ thống; Nơi cấp bằng TS (trường, nước): Trường Trung Ương Quốc Lập Đài loan,
Đài loan

- Được cấp bằng TSKH ngày ... tháng ... năm; số văn bằng:; ngành:;
chuyên ngành:; Nơi cấp bằng TSKH (trường, nước):

10. Đã được bổ nhiệm/công nhận chức danh PGS ngày tháng năm ,
ngành:

11. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó giáo sư tại HĐGS cơ sở: Đại Học Bách Khoa
Hà Nội.

12. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó giáo sư tại HĐGS ngành, liên ngành: Cơ khí
- Động lực

13. Các hướng nghiên cứu chủ yếu:

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

Trong suốt quá trình học tập, giảng dạy và nghiên cứu tại Trường Cơ khí, Đại học Bách Khoa Hà Nội, Ứng viên (UV) đã có cơ hội củng cố và phát triển hướng nghiên cứu khoa học từ những năm thứ 3 đại học khi được tham gia các Lab nghiên cứu về thiết kế, mô phỏng các đối tượng và hệ thống cơ khí và cơ điện tử. Dựa trên các mô hình mô phỏng và thực tế, ứng viên thiết kế các luật điều khiển, giám sát, và xây dựng các bộ thông số tối ưu cho các hệ thống cơ khí và cơ điện tử làm việc ổn định và đảm bảo các yêu cầu về chất lượng hệ thống đặt ra. Hơn nữa, khi áp dụng vào trong thực tế, thì các bài toán giám sát và điều khiển sẽ trở nên khó khăn hơn khi áp dụng các hệ thống thực tế chứa nhiễu và độ bất ổn định. Đây là những bước tiếp cận ban đầu, tạo động lực và đam mê cho UV trong nghiên cứu khoa học (NCKH).

Năm 2001, sau khi tốt nghiệp Đại học, UV được tuyển dụng và trở thành cán bộ giảng dạy tại Bộ môn Tự động hóa máy, sau đó sát nhập và trở thành Bộ môn Máy và Ma sát học. NCKH là một nhiệm vụ quan trọng của giảng viên nhằm nâng cao năng lực chuyên môn trong quá trình giảng dạy và trao đổi học thuật giữa các nhà khoa học trong nước và quốc tế. Từ đó các kết quả của NCKH có thể được chuyển giao và ứng dụng vào trong đời sống thực tế. Trong thời gian công tác giảng dạy tại ĐHBKHN, UV đã chủ động học tập tích lũy các học phần của Kỹ thuật Cơ khí, nâng cao trình độ chuyên môn và tham gia vào nghiên cứu khoa học theo định hướng chuyên sâu của Bộ môn. UV phát triển và củng cố hướng nghiên cứu bản thân, cùng với sự hợp tác nghiên cứu, phù hợp với chiến lược phát triển của Bộ môn, Viện Cơ khí, ĐHBKHN trong giai đoạn hội nhập quốc tế.

Trong thời gian làm nghiên cứu sinh tại Đại học Trung Ương Quốc Gia Đài loan, Đài loan, UV đã trau dồi thêm các kỹ năng về ngôn ngữ, phương pháp nghiên cứu, ứng dụng chuyển giao công nghệ, các kỹ năng mềm về giao tiếp và làm việc nhóm... Đặc biệt, UV đã được tiếp cận các hướng nghiên cứu mới liên quan đến việc mô phỏng và xây dựng các mô hình mờ Takagi-Sugeno cho việc xấp xỉ gần như hoàn toàn các hệ thống cơ khí, cơ điện tử phi tuyến thành tập hợp các con hàm tuyến tính. Trong quá trình nghiên cứu, UV đã thu nhận được nhiều kiến thức liên quan đến liên quan phương pháp thiết kế mô hình mờ, luật điều khiển và giám sát mờ, hình thành nên các bộ điều khiển và giám sát thông minh cho các hệ thống thực tế chứa nhiễu và độ bất ổn định. Các kết quả đạt được không chỉ được kiểm chứng trên các môi trường mô phỏng thời gian thực và gián đoạn mà còn được triển khai cho nhiều đối tượng và hệ thống trong nhiều lĩnh vực và quá trình thực tế khác nhau. Với các kết quả đạt được trong nghiên cứu, hình thành sự khả thi khi áp dụng phương pháp điều khiển đảm bảo sự ổn định và các bộ chỉ tiêu chất lượng làm việc của các hệ thống cơ điện tử chứa phi tuyến chứa nhiễu và độ bất ổn định. Từ những kiến thức thu nhận được trong thời gian học tập và nghiên cứu, UV hình thành 2 hướng nghiên cứu chính như sau:

+ Hướng nghiên cứu 1: **Hệ thống Cơ điện tử thông minh (HTCĐTTM) và Rô bốt dựa trên trí tuệ nhân tạo, thị giác máy tính và IoT.**

+ Hướng nghiên cứu 2: **Thiết kế bộ điều khiển và giám sát mờ cho các hệ thống phi tuyến Cơ khí và Cơ điện tử.**

14. Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học:

- Đã hướng dẫn (số lượng) 0 NCS bảo vệ thành công luận án TS;

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

- Đã hướng dẫn (số lượng) 05 HVCH bảo vệ thành công luận văn ThS (ứng viên chức danh GS không cần kê khai nội dung này);

- Hướng dẫn SV NCKH cấp Trường đạt giải nhì phân ban Kỹ thuật Cơ điện tử năm 2016-2017, và giải nhất phân ban Kỹ thuật Cơ điện tử năm 2022-2023;

- Đã hoàn thành đề tài NCKH từ cấp cơ sở trở lên: số lượng 03 cấp cơ sở;

- Đã công bố (số lượng) Ứng viên đã công bố 31 bài báo khoa học trong các tạp chí và hội nghị uy tín trong nước và quốc tế (26 bài báo là tác giả chính và 03 bài báo là tác giả liên hệ); trong đó có 11 bài thuộc danh mục tạp chí ISI/Scopus (Q1, Q2, Q3, Q4); 03 bài hội thảo thuộc danh mục Web of Science/Scopus;

- Đã được cấp (số lượng) 0 bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích;

- Số lượng sách đã xuất bản 01 (chủ biên), trong đó 01 thuộc nhà xuất bản có uy tín;

- Số lượng tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục, thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế: Không

15. Khen thưởng (các huân chương, huy chương, danh hiệu): Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở năm học 2015-2016, số 2001/QĐ-ĐHBK-TĐKT; Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở năm học 2017-2018, số 1984/QĐ-ĐHBK-TĐKT;

16. Kỷ luật (hình thức từ khiển trách trở lên, cấp ra quyết định, số quyết định và thời hạn hiệu lực của quyết định): Không.

B. TỰ KHAI THEO TIÊU CHUẨN CHỨC DANH GIÁO SƯ/PHÓ GIÁO SƯ

1. Tự đánh giá về tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo: UV làm việc tại trường Đại học Bách khoa Hà Nội từ 06/2001 đến nay. Trong đó có 05 năm làm nghiên cứu sinh tại Đại học Trung Ương Quốc lập Đài loan (9/2007-11/2012), Đài Loan. Trong suốt quá trình công tác tại trường Đại học Bách khoa Hà Nội, ứng viên luôn phấn đấu, rèn luyện thực hiện đúng các nhiệm vụ của nhà giáo. UV tự nhận thấy mình có đầy đủ các tiêu chuẩn của một giảng viên đại học cụ thể như sau:

❖ Tư tưởng chính trị vững vàng; phẩm chất đạo đức và ý thức tổ chức kỷ luật tốt

- Có lập trường tư tưởng chính trị vững vàng, trung thành với đường lối lãnh đạo của Đảng, chấp hành tốt chính sách và pháp luật của Nhà nước các quy định của Nhà Trường;

- Luôn giảng dạy theo đúng mục tiêu đào tạo chương trình của chương trình đào tạo của Nhà trường với sự cố gắng cao nhất nhằm đạt được chất lượng giảng dạy cao nhất;

- Phẩm chất đạo đức tốt, lối sống làm mạnh, chân thành, đúng mực với bạn bè đồng nghiệp, cầu thị tiếp thu sửa chữa khuyết điểm để hoàn thiện bản thân;

- Có ý thức tổ chức kỷ luật tốt, chấp hành tốt phân công của tổ chức; tuân thủ các quy chế, quy định của Nhà trường, thực hiện nghiêm túc các qui định của pháp luật liên quan đến nhà giáo;

- Tinh thần trách nhiệm cao trong công việc, hoàn thành tốt nhiệm vụ giảng dạy và nghiên cứu khoa học;

❖ Được đào tạo đạt tiêu chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ đối với Giảng viên đại học

UV được đào tạo chính quy và được cấp các học vị bao gồm:

- Tốt nghiệp Đại học chính quy tập trung 5 năm (1996-2001), Điện khí hóa và cung cấp điện, chuyên ngành: Tự động hóa các xí nghiệp công nghiệp tại Trường Đại học Bách khoa Hà Nội;

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

- Tốt nghiệp Thạc sỹ khoa học theo chương trình đào tạo tập trung 2 năm (2005-2007), ngành Kỹ thuật Điện, chuyên ngành Điều khiển tự động tại Trường Đại học Bách khoa Hà Nội;
- Tốt nghiệp Tiến sỹ kỹ thuật theo chương trình chính quy tập trung 5 năm (2007-2012), ngành Kỹ thuật Điện, chuyên ngành Điều khiển hệ thống tại Trường Đại học Trung Ương Quốc lập Đài loan, Đài Loan;
- Hoàn thành các khóa học bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm, nghiệp vụ Giảng viên chính;
- Quyết định bổ nhiệm và xếp lương chức danh nghề nghiệp Giảng viên chính (Hạng II) năm 2019 số 400/QĐ-ĐHBK-TCCB, ngày 13/03/2020;

Quá trình học tập, đào tạo là cơ sở vững chắc giúp ứng viên thực hiện tốt các nhiệm vụ đào tạo, nghiên cứu và quản lý, cụ thể như sau:

- ❖ Về công tác đào tạo Đại học và Sau Đại học: Chuyên ngành Cơ điện tử và cơ khí.
 - Giảng dạy các học phần chuyên môn cho hệ Đại học bao gồm: Nhập môn cơ điện tử; Thiết kế hệ thống cơ điện tử; Kỹ thuật lập trình trong hệ cơ điện tử; Robot tự hành; Trang bị điện cho máy; Lý thuyết điều khiển tự động; Đồ án thiết kế cơ khí; Đồ án thiết kế cơ điện tử; Cảm biến đo lường và xử lý tín hiệu điện; Điều khiển PLC và mạng công nghiệp; Hệ thống cơ điện tử thông minh; Technical writing and presentation skill for students, Đồ án tốt nghiệp cử nhân, Đồ án tốt nghiệp kỹ sư.
 - Giảng dạy các học phần chuyên môn cho hệ sau Đại học (ThS) bao gồm: FPGA, Hệ thống cơ điện tử thông minh, Hệ thống cơ điện tử hiện đại, Chuyên đề Seminar I, II.
 - Giảng dạy các học phần chuyên môn cho hệ sau Đại học (TS) bao gồm: Thiết kế hệ thống điều khiển và giám sát cho hệ thống phi tuyến chứa nhiễu và độ bất ổn định cho hệ đào tạo Tiến sỹ, Mô hình hóa và mô phỏng HTĐK, Chuyên đề 1, Chuyên đề 1.
- ❖ Về công tác nghiên cứu khoa học (NCKH): cho đến nay ứng viên đã công bố Ứng viên đã công bố 31 bài báo khoa học trong các tạp chí và hội nghị uy tín trong nước và quốc tế (26 bài báo là tác giả chính và 03 bài báo là tác giả liên hệ), trong đó có 11 bài thuộc danh mục tạp chí ISI/Scopus (Q1, Q2, Q3, Q4), 03 bài hội nghị quốc tế thuộc danh mục Web of Science/Scopus; chủ nhiệm 03 đề tài cấp cơ sở của Đại học Bách khoa Hà Nội; tích cực tham gia các hoạt động chuyên môn trong và ngoài nước như phản biện các tạp chí trong nước/quốc tế như: Các tạp chí ISI WoS bao gồm: Advances in Mechanical Engineering, Asian journal of Control, Proceedings of the Institution of Mechanical Engineering, Part E: Journal of Process Mechanical Engineering (theo Web of Science); Tạp chí Scopus: International Journal of Mechanical Engineering and Robotics Research; cùng nhiều tạp chí và hội nghị trong nước; Tham gia hướng dẫn sinh viên NCKH hàng năm, và đạt giải thưởng nhất (2023), nhì (2017) phân ban Kỹ thuật Cơ điện tử.
- ❖ Về ngoại ngữ: Ứng viên đáp ứng trình độ tiếng Anh để có thể học tập và nghiên cứu ở nước ngoài và đã bảo vệ thành công luận văn thạc sỹ và luận án TS ở nước ngoài bằng tiếng Anh. Ứng viên thường xuyên sử dụng tiếng Anh trong công việc nghiên cứu và giảng dạy, tham gia các hội nghị, hội thảo quốc tế, trao đổi chuyên môn học thuật với đồng nghiệp nước ngoài.
- ❖ Về năng lực quản lý: Bên cạnh thời gian nghiên cứu chuyên môn, ứng viên luôn hoàn thành tốt các nhiệm vụ chính trị với vai trò là Phó Trưởng bộ môn Cơ điện tử, Đảng viên chi bộ Cơ điện tử. Bên cạnh đó, ứng viên tham gia các lớp nâng cao năng lực

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước giảng dạy, quản lý, giáo dục học đại học và là thành viên chương trình đào tạo Cơ điện tử (cử nhân-thạc sĩ-tiến sĩ).

- ❖ Về sức khỏe: Ứng viên tự nhận thấy mình có đủ sức khỏe để hoàn thành tốt các nhiệm vụ đào tạo và nghiên cứu khoa học, cũng như công tác quản lý do Nhà trường phân công.

2. Thời gian, kết quả tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ trình độ đại học trở lên:

- Tổng số năm thực hiện nhiệm vụ đào tạo: 14 năm 6 tháng.

- Khai cụ thể ít nhất 06 năm học, trong đó có 03 năm học cuối liên tục tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ (ứng viên GS chỉ khai 3 năm cuối liên tục sau khi được công nhận PGS):

TT	Năm học	Số lượng NCS đã hướng dẫn		Số lượng ThS/CK2/BSNT đã hướng dẫn	Số đề án, khóa luận tốt nghiệp ĐH đã HD	Số giờ chuẩn gd trực tiếp trên lớp		Tổng số giờ chuẩn gd trực tiếp trên lớp/số giờ chuẩn gd quy đổi/số giờ chuẩn định mức (*)
		Chính	Phụ			ĐH	SDH	
1	2016-2017	0	0	1	36	240	30	270/733.5/230
2	2017-2018	0	0	0	70	180	30	210/1169.5/230
3	2018-2019	0	0	1	43	180	30	210/973.5/230
03 năm học cuối								
4	2020-2021	0	0	2	45	240		240/792.6/240
5	2021-2022	0	0	0	48	240		240/794.4/240
6	2022-2023	0	0	0	38	252		252/775.5/240

(*) - Trước ngày 25/3/2015, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Quyết định số 64/2008/QĐ-BGDĐT ngày 28/11/2008, được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư số 36/2010/TT-BGDĐT ngày 15/12/2010 và Thông tư số 18/2012/TT-BGDĐT ngày 31/5/2012 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

- Từ 25/3/2015 đến trước ngày 11/9/2020, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Thông tư số 47/2014/TT-BGDĐT ngày 31/12/2014 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT;

- Từ ngày 11/9/2020 đến nay, theo Quy định chế độ làm việc của giảng viên cơ sở giáo dục đại học ban hành kèm theo Thông tư số 20/2020/TT-BGDĐT ngày 27/7/2020 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT; định mức giờ chuẩn giảng dạy theo quy định của thủ trưởng cơ sở giáo dục đại học, trong đó định mức của giảng viên thỉnh giảng được tính trên cơ sở định mức của giảng viên cơ hữu.

3. Ngoại ngữ:

3.1. Tên ngoại ngữ thành thạo phục vụ chuyên môn: Tiếng Anh

a) Được đào tạo ở nước ngoài:

- Học ĐH ; Tại nước:; Từ năm đến năm

- Bảo vệ luận văn ThS hoặc luận án TS hoặc TSKH ; tại nước: Đài loan; năm 2012.

b) Được đào tạo ngoại ngữ trong nước:

- Trường ĐH cấp bằng tốt nghiệp ĐH ngoại ngữ: số bằng:; năm cấp:.....

c) Giảng dạy bằng tiếng nước ngoài:

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

- Giảng dạy bằng ngoại ngữ: Tiếng Anh.

- Nơi giảng dạy (cơ sở đào tạo, nước): Đại học Bách Khoa Hà Nội, Việt nam (Giảng dạy các học phần Automatic Control Engineering, Technical Writing and Presentation Skills cho SV hệ CNTT, KSTN và hướng dẫn luận văn tốt nghiệp SV hệ CNTT bằng tiếng Anh).

d) Đối tượng khác ; Diễn giải:

3.2. Tiếng Anh (văn bằng, chứng chỉ): B2.

4. Hướng dẫn NCS, HVCH/CK2/BSNT đã được cấp bằng/có quyết định cấp bằng

TT	Họ tên NCS hoặc HVCH/CK2/BSNT	Đối tượng		Trách nhiệm hướng dẫn		Thời gian hướng dẫn từ ... đến ...	Cơ sở đào tạo	Ngày, tháng, năm được cấp bằng/có quyết định cấp bằng
		NCS	HVCH/CK2/BSNT	Chính	Phụ			
1	Phạm Ngọc Bắc		X	X		03/2016-01/2017	Đại học Bách khoa Hà Nội	03/07/2017
2	Đình Sỹ Thông		X	X		09/2018-04/2019	Đại học Bách khoa Hà Nội	09/07/2019
3	Hoàng Đình Tuấn		X	X		09/2019-04/2020	Đại học Bách khoa Hà Nội	24/06/2020
4	Nguyễn Duy Khánh		X	X		09/2019-04/2020	Đại học Bách khoa Hà Nội	24/06/2020
5	Phan Thành Nam		X	X		06/2019-10/2020	Đại học Bách khoa Hà Nội	28/12/2020

Ghi chú: Ứng viên chức danh GS chỉ kê khai thông tin về hướng dẫn NCS.

5. Biên soạn sách phục vụ đào tạo từ trình độ đại học trở lên:

TT	Tên sách	Loại sách (CK, GT, TK, HD)	Nhà xuất bản và năm xuất bản	Số tác giả	Chủ biên	Phần biên soạn (từ trang ... đến trang)	Xác nhận của cơ sở GDDH (số văn bản xác nhận sử dụng sách)
I	Trước khi được công nhận PGS/TS						
1							
II	Sau khi được công nhận PGS/TS						
1	Giáo trình bài giảng eLearning “Automatic Control Engineering”	GT	Dự án “Thiết lập trường ĐH mạng ASEAN - Hàn Quốc (ACU)”, ĐHBKHN	1	1	Cả giáo trình bài giảng	Số 10/HĐ và Số 10/LTHĐ. Áp dụng từ năm 2017-2018 trong hệ thống ĐH mạng ASEAN, bao gồm ĐHBKHN.

Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) sách chuyên khảo do nhà xuất bản có uy tín xuất bản và chương sách do nhà xuất bản có uy tín trên thế giới xuất bản, mà ứng viên là chủ biên sau PGS/TS: [],.....

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

Lưu ý:

- Chỉ kê khai các sách được phép xuất bản (Giấy phép XB/Quyết định xuất bản/số xuất bản), nộp lưu chiểu, ISBN (nếu có).

- Các chữ viết tắt: CK: sách chuyên khảo; GT: sách giáo trình; TK: sách tham khảo; HD: sách hướng dẫn; phần ứng viên biên soạn cần ghi rõ từ trang.... đến trang..... (ví dụ: 17-56; 145-329).

6. Thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã nghiệm thu:

TT	Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT...)	CN/PCN/TK	Mã số và cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Thời gian nghiệm thu (ngày, tháng, năm)/Xếp loại KQ
I	Trước khi được công nhận PGS/TS				
1	Thiết kế, chế tạo hệ thống cơ điện tử cho việc xác định tính năng ma sát cặp vật liệu	CN	T2007-04	01/2007-06/2007	Biên bản nghiệm thu ngày 20/12/2007. Xếp loại: Tốt
II	Sau khi được công nhận PGS/TS				
1	Nghiên cứu, thiết kế và ứng dụng hệ thống IoT tự động đảm bảo môi trường nước nuôi thủy sản	CN	T2018-PC-024	02/2019-08/2020	Biên bản nghiệm thu ngày 20/06/2020. Xếp loại: Đạt.
2	Nghiên cứu, thiết kế chiến lược dẫn đường tối ưu cho rô bốt tự hành dựa trên công nghệ học sâu và thị giác máy tính	CN	T2022-PC-029	11/2022-10/2023	Biên bản nghiệm thu ngày 30/05/2023. Xếp loại: Xuất sắc.

- Các chữ viết tắt: CT: Chương trình; ĐT: Đề tài; CN: Chủ nhiệm; PCN: Phó chủ nhiệm; TK: Thư ký.

7. Kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ đã công bố (bài báo khoa học, báo cáo khoa học, sáng chế/giải pháp hữu ích, giải thưởng quốc gia/quốc tế):

7.1.a. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố:

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
I	Trước khi được công nhận TS							
Tạp chí ISI/Scopus								

1	Observer synthesis for the T-S fuzzy system with uncertainty and output disturbance	5	x	Journal of Intelligent & Fuzzy Systems/ISSN: 1064-1246	ISI (SCIE, IF:1.737, Q2 theo Scimago)	17	vol. 22, no. 4 pp. 173-183	2011
	https://doi.org/10.3233/ifs-2011-0474							
2	Observer-based H_∞ control for Takagi-Sugeno fuzzy systems with uncertainty and disturbance	4	x	Proceedings of the Institution of Mechanical Engineers, Part I: Journal of Systems and Control Engineering/ISSN: 0959-6518	ISI (SCIE, IF:1.623, Q2 theo Scimago)		vol. 266, iss. 10, pp. 1288-1300	2012
	https://doi.org/10.1177/0959651812459604							
3	Adaptive Observer Design for the Uncertain T-S Fuzzy Systems with output disturbance	2	x	IET Control Theory and Applications/ISSN: 1751-8644	ISI (SCIE, IF:2.67, Q1 theo Scimago)	30	vol.6, no. 10, pp. 1351-1366	2012
	https://doi.org/10.1049/iet-cta.2011.0022							
Kỷ yếu hội nghị khoa học quốc tế								
4	Observer synthesis for discrete-time T -S fuzzy system with output disturbance	2	x	International Conference System on Science and Engineering ICSSE 2011 (IEEE)/ISBN: 978-1-6128-4472-5	WoS/Scopus	5	pp. 229-233	2011
	https://doi.org/10.1109/icsse.2011.5961904							
5	Observer Design for TS Fuzzy Systems with Input	2	x	International Conference on	WoS/Scopus		pp. 12-18	2012

	Delay and Output Disturbance via an LMI Approach			Soft Computing, Intelligent System and Information Technology, ICSIT 2012/ISBN: 978-602-97124-1-4				
https://repository.petra.ac.id/15699/1/Proceeding_Final.pdf#page=21								
II	Sau khi được công nhận TS							
Tạp chí ISI/Scopus								
6	Investigation and optimization of power based smart home module integrated with automatic solar tracking system and MPPT technique	3	x	Applied Mechanics and Materials/ISSN: 1662-7482.	Scopus (Q4, SJF:0.112, theo Scimago)	2	vol. 889, pp. 526-532	2018
https://doi.org/10.4028/www.scientific.net/AMM.889.526								
7	Design the encoder inspection system based on the voltage wave form using finite impulse response (FIR) filter	1	x	International Journal of Modern Physics Letters B/ISSN: 0217-9792	ISI (SCIE, IF: 1.9, Q3 theo Scimago)	2	vol.34, iss. 22-24, pp. 1-6	2020
https://doi.org/10.1142/S0217979220401463								
8	Smart home Management System with Face Recognition based on ArcFace model in Deep Convolutional Neural Network	1	x	Journal of Robotics and Control/ISSN: 2715-5056	Scopus (Q3, SJF:0.4, theo Scimago)	4	vol. 3, iss. 6, pp. 754-761	2022
https://doi.org/10.18196/jrc.v3i6.15978								
9	Smart Attendance System based on Improved Facial Recognition	1	x	Journal of Robotics and Control/ISSN: 2715-5056	Scopus (Q3, SJF:0.4, theo Scimago)	3	vol. 4, iss. 1, pp. 46-53	2023

	https://doi.org/10.18196/jrc.v4i1.16808							
10	Multi-Scale Fully Convolutional Network-Based Semantic Segmentation for Mobile Robot Navigation	2	x	Electronics/IS SN: 2079-9292	ISI (SCIE, IF: 2.69, Q2 theo Scimago)	5	vol. 12, iss. 3, 533 (18 pages)	2023
	https://doi.org/10.3390/electronics12030533							
11	Obstacle Avoidance Strategy for Mobile Robot based on Monocular Camera	2	x	Electronics/IS SN: 2079-9292	ISI (SCIE, IF: 2.69, Q2 theo Scimago)	1	vol. 12, iss. 8, 1932 (20 pages)	2023
	https://doi.org/10.3390/electronics12030533							
12	An Ultra Fast Semantic Segmentation Model for AMR's Path Planning	2	x	Journal of Robotics and Control/ISSN: 2715-5056	Scopus (Q3, SJF:0.38, theo Scimago)		vol. 4, iss. 3, pp. 424- 430	2023
	https://doi.org/10.18196/jrc.v4i3.18758							
13	A Secured, Multilevel Face Recognition based on Head Pose Estimation, MTCNN and FaceNet	2	x	Journal of Robotics and Control/ISSN: 2715-5056	Scopus (Q3, SJF:0.38, theo Scimago)		vol. 4, iss. 4, pp. 431- 437	2023
	https://doi.org/10.18196/jrc.v4i4.18780							
Kỷ yếu hội nghị khoa học quốc tế								
14	Hydrometallurgical processes for poor Zinc oxide ores	2	x	2013 International Conference on Geological Engineering/IS BN: 978-602-14066-5-6			pp. 422- 429	2013
15	A star Algorithm for Robot Path Planning based on Digital Twin	4		Lecture Notes in Mechanical Engineering/IS BN: 978-981-19-1968-8	WoS/Scopus	1	pp. 83- 90	2022

	https://doi.org/10.1007/978-981-19-1968-8_8						
Tạp chí trong nước							
16	Nghiên cứu, thiết kế máy tạo sợi nhựa trong máy in 3D	4		Tạp chí Cơ khí/ISSN: 0866-7056.		vol. 6, pp. 32-35	2018
17	Optimize of Dimesion of Heat sink's plate fin with the effect of the Wind velocity in Siterouter Telecommunication system.	2	x	The University of Danang - Journal of Science and Technology/ISSN: 1859-1531.		vol. 12, iss. 133, pp. 19-23	2018
https://jst-ud.vn/jst-ud/article/view/1076							
18	Xây dựng bộ đôi số cho rô bốt UR3 trong hệ thống lắp ráp bóng đèn	4	x	Tạp chí Cơ khí/ISSN: 0866-7056.		vol. 291, pp. 14-17	2022
Kỷ yếu hội nghị khoa học trong nước							
19	Nghiên cứu, thiết kế và chế tạo thiết bị đo ma sát trượt không chất bôi trơn	2	x	Kỷ yếu hội nghị khoa học và công nghệ toàn quốc về cơ khí lần thứ III/ISBN: 978-604-67-0061-6		pp. 497-502	2013
20	Observer Synthesis of Position Checking System of Pneumatic Cylinder Actuators using Discrete-Time Time-delay T-S Fuzzy Model with Unknown Disturbances	1	x	Kỷ yếu hội nghị khoa học và công nghệ toàn quốc về cơ khí-cơ khí động lực 2016/ISBN: 978-604-95-0041-1		pp. 67-72	2016
21	Application of Digital Image Processing for Indetificating and Predicting Motion Tranjectory using Arduino	1	x	Kỷ yếu hội nghị khoa học và công nghệ toàn quốc về cơ khí-cơ khí động lực 2016/ISBN: 978-604-95-0041-1		pp. 73-77	2016

22	Automated robotic pin picking system of random stacked objects	3		Kỷ yếu hội nghị khoa học và công nghệ toàn quốc về cơ khí- cơ khí động lực 2016/ISBN: 978-604-95-0041-1			pp. 96-101	2016
23	Autonomous cleaner robot applied with random and zigzag movement algorithm	1	x	Kỷ yếu hội nghị khoa học và công nghệ về cơ khí lần thứ V/ISSN: 978-6604-67-1103-2.			pp. 1317-1324	2018
24	Autonomous vehicles applied with recognition and prediction of motion trajectory algorithm	1	x	Kỷ yếu hội nghị khoa học và công nghệ về cơ khí lần thứ V/ISSN: 978-6604-67-1103-2.			pp. 1325-1333	2018
25	Nghiên cứu, thiết kế hệ thống giám sát và đảm bảo thông số môi trường nước nuôi thủy sản	2	x	Kỷ yếu hội thảo khoa học quốc gia các nhà nghiên cứu trẻ 2019/ISBN: 978-604-974-271-2.			pp. 377-382	2019
26	Nghiên cứu, thiết kế hệ thống cơ điện tử thông minh ứng dụng công nghệ nhận diện khuôn mặt và thuật toán học sâu trong đánh giá độ chuyên cần sinh viên	2	x	Hội nghị khoa học kỹ thuật đo lường toàn quốc lần thứ VII/ISSN: 978-604-67-1588-2.			pp. 239-246	2020
27	Thiết kế bộ điều khiển đồng bộ 2 robot 3R cho chuyển động dây cơ học đàn hồi	1	x	Hội nghị khoa học kỹ thuật đo lường toàn quốc lần thứ VII/ISSN: 978-604-67-1588-2.			pp. 470-475	2020

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

28	Application of Face Recognition Technique with Arcface model to Smart Camera System	4	x	Hội nghị khoa học toàn quốc lần thứ 2 Động lực học và điều khiển 2022/ISBN: 978-604-316-796-2.			pp. 259-264	2022
29	Nghiên cứu nhận diện khuôn mặt bằng kỹ thuật điểm mốc khuôn mặt dựa trên mô hình ArcFace trong hệ thống an ninh IoT	2	x	Kỷ yếu hội thảo khoa học quốc gia các nhà nghiên cứu trẻ 2019/ISBN: 978-604-399-355-4.			pp. 343-350	2023
30	Nghiên cứu, thiết kế hệ thống giám sát môi trường nước nuôi tôm dựa trên mô hình Master-Slave	2	x	Kỷ yếu hội thảo khoa học quốc gia các nhà nghiên cứu trẻ 2019/ISBN: 978-604-399-355-4.			pp. 351-358	2023
31	Nghiên cứu, ứng dụng thị giác máy tính vào hệ thống dẫn đường rô bốt tự hành	2	x	Kỷ yếu hội thảo khoa học quốc gia các nhà nghiên cứu trẻ 2019/ISBN: 978-604-399-355-4.			pp. 359-366	2023

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học quốc tế có uy tín mà UV là tác giả chính sau PGS/TS: 8 bài. 8 bài. Số TT của các bài báo uy tín của ngành là: **6, 7, 8, 9, 10, 11, 12** và **13**. Bên cạnh đó, UV cũng là đồng tác giả của bài báo hội nghị Scopus, số TT: **15**.

7.1.b. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố (*Dành cho các chuyên ngành thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự được quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg*)

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Thuộc danh mục tạp chí uy tín của ngành	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
I	Trước khi được công nhận PGS/TS						
II	Sau khi được công nhận PGS/TS						

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học uy tín của ngành mà UV là tác giả chính sau PGS/TS.

7.2. Bảng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích

TT	Tên bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích	Tên cơ quan cấp	Ngày tháng năm cấp	Tác giả chính/đồng tác giả	Số tác giả
1					

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích được cấp, là tác giả chính sau PGS/TS.

7.3. Tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế (đối với ngành Văn hóa, nghệ thuật, thể dục thể thao)

TT	Tên tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu TDTT	Cơ quan/tổ chức công nhận	Văn bản công nhận (số, ngày, tháng, năm)	Giải thưởng cấp Quốc gia/Quốc tế	Số tác giả
1					

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu đạt giải thưởng quốc tế, là tác giả chính/hướng dẫn chính sau PGS/TS.

8. Chủ trì hoặc tham gia xây dựng, phát triển chương trình đào tạo hoặc chương trình/dự án/đề tài nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ của cơ sở giáo dục đại học đã được đưa vào áp dụng thực tế:

TT	Chương trình đào tạo, chương trình nghiên cứu ứng dụng KHCN	Vai trò UV (Chủ trì/ Tham gia)	Văn bản giao nhiệm vụ (số, ngày, tháng, năm)	Cơ quan thẩm định, đưa vào sử dụng	Văn bản đưa vào áp dụng thực tế	Ghi chú
1	Chương trình đào tạo ngành Kỹ thuật Cơ điện tử các bậc (Hệ CN, KS, ThS và TS) năm 2016-2020.	Tham gia	Số 918/QĐ-ĐHBK-TCCB.	ĐHBKHN	Áp dụng từ khóa học 2017-2018.	

9. Các tiêu chuẩn không đủ so với quy định, đề xuất công trình khoa học (CTKH) thay thế*:

a) Thời gian được bổ nhiệm PGS

Được bổ nhiệm PGS chưa đủ 3 năm, còn thiếu (số lượng năm, tháng):

b) Hoạt động đào tạo

- Thâm niên đào tạo chưa đủ 6 năm (UV PGS), còn thiếu (số lượng năm, tháng):

- Giờ giảng dạy

+ Giờ chuẩn giảng dạy trực tiếp trên lớp không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu):

+ Giờ chuẩn giảng dạy quy đổi không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu):

- Hướng dẫn chính NCS/HVCH,CK2/BSNT:

+ Đã hướng dẫn chính 01 NCS đã có Quyết định cấp bằng TS (UV chức danh GS)

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước
Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 NCS được cấp bằng TS bị thiếu:

.....
+ Đã hướng dẫn chính 01 HVCH/CK2/BSNT đã có Quyết định cấp bằng ThS/CK2/BSNT (UV chức danh PGS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 HVCH/CK2/BSNT được cấp bằng ThS/CK2/BSNT bị thiếu:

c) Nghiên cứu khoa học

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ (UV chức danh GS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ bị thiếu:

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở (UV chức danh PGS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở bị thiếu:

- Không đủ số CTKH là tác giả chính sau khi được bổ nhiệm PGS hoặc được cấp bằng TS:

+ Đối với ứng viên chức danh GS, đã công bố được: 03 CTKH ; 04 CTKH

Đề xuất sách CKUT/chương sách của NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế cho việc UV không đủ 05 CTKH là tác giả chính theo quy định:

+ Đối với ứng viên chức danh PGS, đã công bố được: 02 CTKH

Đề xuất sách CKUT/chương sách NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế cho việc UV không đủ 03 CTKH là tác giả chính theo quy định:

Chú ý: Đối với các chuyên ngành bí mật nhà nước thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự, các tiêu chuẩn không đủ về hướng dẫn, đề tài khoa học và công trình khoa học sẽ được bù bằng điểm từ các bài báo khoa học theo quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg.

d) Biên soạn sách phục vụ đào tạo (đối với ứng viên GS)

- Không đủ điểm biên soạn sách phục vụ đào tạo:

- Không đủ điểm biên soạn giáo trình và sách chuyên khảo:

C. CAM ĐOAN CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN CHỨC DANH:

Tôi cam đoan những điều khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Hà nội, ngày 28 tháng 06 năm 2023

NGƯỜI ĐĂNG KÝ



Đặng Thái Việt